

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Nhi khoa cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-ĐHYD ngày 29/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Nhi khoa cập nhật năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng, khoa, bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2022-2023.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng, khoa, bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

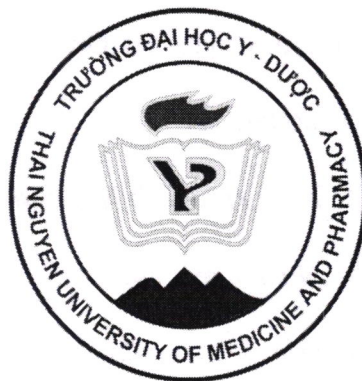
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, MC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ NGÀNH NHI KHOA**

THÁI NGUYÊN, NĂM 2022

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH NHI KHOA

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3063 ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)

I. Thông tin chung

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: *Thạc sĩ ngành Nhi khoa*
 - Tên tiếng Anh: *Master of Pediatric*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường Đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *Thạc sĩ*
6. Ngành đào tạo: *Nhi khoa*
7. Mã ngành đào tạo: *8720106*
8. Thời gian đào tạo: *2 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung*
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: *Thạc sĩ ngành Nhi khoa*
 - Tên tiếng Anh: *Master of Pediatric*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau:</i>	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tâm nhìn	Luật Giáo dục Đại học
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	X	X	X
II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện được các kỹ năng: Chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng, dự phòng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.	X	X	X
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	X	X	X
PEO 4	Sử dụng hiệu quả kỹ năng công nghệ thông tin và nghiên cứu khoa học trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	X	X	X
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động học tập nghiên cứu, quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	X	X	X

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome - PLO)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay sau khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, tin học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	X	
PLO2	Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên		X

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay sau khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
	ngành để chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng và dự phòng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		
II. Kỹ năng			
PLO3	Thực hiện thành thạo hỏi bệnh, khám bệnh, đánh giá sự tăng trưởng và phát triển ở trẻ em.		x
PLO 4	Chỉ định và phân tích đúng, đầy đủ phương pháp thăm dò chức năng và xét nghiệm phục vụ chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		x
PLO 5	Thực hiện được chẩn đoán, điều trị, theo dõi, dự phòng một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		x
PLO 6	Thực hiện được một số thủ thuật, kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán, điều trị một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp.		x
PLO 7	Giao tiếp truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc ngành Nhi khoa.	x	
PLO 8	Thực hiện độc lập được các chuyên đề và đề tài nghiên cứu khoa học; sử dụng được một số phần mềm thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học thuộc ngành Nhi khoa	x	
III. Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO 9	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	x	
PLO 10	Chủ động học tập và đưa ra những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong ngành Nhi khoa	x	
PLO 11	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	x	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
PEO 1	X	x									
PEO 2			x	x	x	x	x				
PEO 3							x				
PEO 4	X	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PEO 5	X	x	X	x	x	x	x	x	x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

Cá nhân tham gia dự tuyển Thạc sĩ ngành Nhi khoa khi đạt các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp bác sĩ chính quy ngành Y khoa.
- Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).
- Nộp hồ sơ, lệ phí đăng kí dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Đại học Thái Nguyên.

2. Điều kiện tốt nghiệp

- Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo, bảo vệ đề án đạt yêu cầu, cụ thể:
 - + Có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ)
 - + Đề án được xếp loại đạt khi có điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm, trong đó điểm thành phần của mỗi thành viên trong hội đồng phải đạt từ 5,0 điểm trở lên.
- Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.
- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà trường.

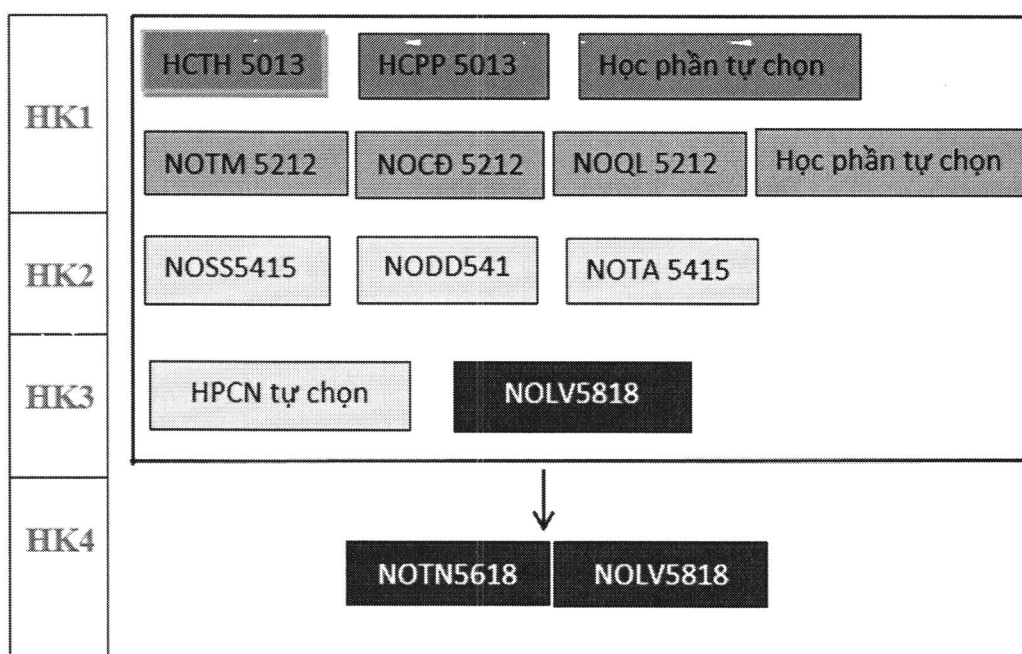
VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP SH	KH thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I	KIẾN THỨC CHUNG: 09 TC (15%)									
1.1	Học phần/module bắt buộc: 6 TC									
1	HCTH5013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2	HCPP5013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				1
1.2. Học phần tự chọn: 03 tín chỉ - chọn 1 trong 2 học phần										
3	HCPH5313	PP dạy /học lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				1
4	HCPA5113	Phương pháp sư phạm y học	3 (2/1)	30	30	90				1
II	KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH: 10 tín chỉ (17%)									
2.1	Học phần bắt buộc: 06 tín chỉ (10%)									
5	NOTM5212	Tai Mũi Họng	2 (1/1)	15	30	55				2
6	NOCĐ5212	Chẩn đoán hình ảnh	2 (1/1)	15	30	55				2
7	NOQL5212	Quản lý bệnh viện	2 (1/1)	15	30	55				2
2.2	Học phần tự chọn: 04 tín chỉ - chọn 02 trong 04 học phần									
8	NOTN5312	Truyền nhiễm	2 (1/1)	15	30	70				2
9	NODL5312	Da liễu	2 (1/1)	15	30	70				2
10	NOSL5312	Sinh lý bệnh- Miễn dịch	2 (2/0)	30	0	70				2
11	NOPT5312	Phôi thai	2 (2/0)	30	0	70				2
III	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 25 tín chỉ (42%)									
3.1	Học phần bắt buộc: 15 tín chỉ									
12	NOSS5415	Sơ sinh- Cấp cứu	5 (2/3)	30	90	130				3
13	NODD5415	Dinh dưỡng- Tiêu hóa	5 (2/3)	30	90	130				3
14	NOTA5415	Tim mạch -	5 (2/3)	30	90	130				3

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP SH	KH thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
		Hô hấp								
3.2	Học phần tự chọn: 10 tín chỉ - chọn 2 trong 4 học phần									
15	NOHH5515	Huyết học - Tiết niệu	5 (2/3)	30	90	130				3
16	NOTB5515	Tâm bệnh - Thần kinh	5 (2/3)	30	90	130				3
17	NONT5515	Nội tiết chuyển hóa - di truyền	5 (2/3)	30	90	130				3
18	NONN5515	Ngoại nhi	5 (2/3)	30	90	130				3
4	TỐT NGHIỆP: 16 tín chỉ (27%)									
19	NOTN5618	Thực tập tốt nghiệp tại các lĩnh vực sau: Cấp cứu – sơ sinh: 4 tín chỉ Nhi tổng hợp ¹ : 4 tín chỉ	8 (0/8)	0	240	160		Tất cả các HP thuộc CTĐT		4
20	NOLV5818	Đề án tốt nghiệp	8 (0/8)	0	240	160				4
Tổng số			60 (24/36)	360	1060	1645				

¹ Nhi tổng hợp gồm: Dinh dưỡng, Tiêu hóa, Hô hấp, Tim mạch, Huyết học, Tiết niệu, Tâm bệnh thần kinh, Nội tiết chuyển hóa-di truyền.

VII. Tiến trình dạy học



Ghi chú:

Khởi kiến thức cơ bản
Khởi kiến thức cơ sở ngành
Khởi kiến thức chuyên ngành
Luận văn và thi tốt nghiệp

→ Điều kiện tiên quyết

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của học phần (PLO)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	HCTH5013	M	L					L		H	M	M
2	HCPP5013	M	M	M	L			L	H	H	M	M
3	HCPH5113	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H	H
4	HCPA5113	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H	H
5	NOTM5212		M	M	M	M	M	M	L	H	M	M
6	NOCĐ5212		M	M	M	M	M	M	L	H	M	M
7	NOQL5212		M	M	M	M	M	M	L	H	M	M
8	NOTN5312		M	M	M	M	M	M	L	H	M	M
9	NODL5312		M	M	M	M	M	M	L	H	M	M

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của học phần (PLO)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	NOSL5312		M	M	H	M	L	M	L	H	M	M
11	NOPT5312		M	M	H	M	L	M	L	H	M	M
12	NOSS5415		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
13	NODD5415		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
14	NOTA5415		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
15	NOHH5515		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
16	NOTB5515		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
17	NONT5515		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
18	NONN5515		H	H	H	H	H	H	M	H	M	M
19	NOTN5618		H	H	H	H	H	H	M	H	H	H
20	NOLV5818		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Thuyết trình	x	x									
Dạy học nhóm nhỏ		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Nghiên cứu trường hợp	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Đóng vai			x				x	x	x	x	x
Dạy - học bên giường bệnh			x	x	x	x	x		x	x	x
Dạy - học dựa trên vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	Ý thức học tập học phần lý thuyết và thực hành của học viên: LT: chuẩn bị thảo luận; hoàn thành	10%

		các bài tập được giao. TH: chuẩn bị bài, thảo luận, nộp sản phẩm, tham gia lượng giá mỗi bài thực hành. Sự có mặt của học viên tham gia buổi học lý thuyết và thực hành	
KTTX (trắc nghiệm/tự luận)	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	Dựa vào thang điểm chuẩn	10%
Thi GHP (chấm bài thực hành, giải quyết tình huống)	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	TH: Dựa vào bảng kiểm/Rubrics Chỉ tiêu lâm sàng LT: Dựa vào thang điểm chuẩn	30%
Thi KTHP (Báo cáo chuyên đề)	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11	LT:- Thời gian hoàn thành chuyên đề - Chất lượng nội dung chuyên đề (chấm bằng bảng kiểm) TH: Thi trên bệnh nhân (chấm bằng bảng kiểm) Hoặc bài thực hành (theo HP)	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tự luận (giải quyết tình huống)	x	x	x	x	x				x	x	x
Báo cáo chuyên đề	x	x					x	x	x	x	x
Báo cáo TH		x	x	x	x	x	x		x	x	x
Chỉ tiêu thực hành		x	x	x	x	x	x		x	x	x
Kỹ năng thực hành trên người bệnh		x	x	x	x	x	x		x	x	x
Báo cáo đề án TN		x						x	x	x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Huế (2016)		Trường ĐHYD Hải Phòng (2015)		Trường ĐHYD TP HCM (2022)		Trường ĐHYD Thái Nguyên (2022)	
	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Đơn vị học trình	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	6	8,2	10	16,7	5	8,3	9	15
Kiến thức cơ sở ngành	20	27,4	10	16,7	8	13,3	10	17
Kiến thức chuyên ngành	35	47,9	12	20,0	25	41,7	25	42
Chuyên đề					12	20		
Tự chọn	17	23,3	18	30,0	15	25	17	28,3
Tốt nghiệp							8	13,3
Luận văn	12	16,4	10	16,7	12	20	8	13,3
Tổng	73	100	60	100	60	100	60	100

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

A. Khối kiến thức cơ bản

1. Học phần Triết học

Học phần Triết học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng; hiểu được những giá trị và hạn chế trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây; hiểu được nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; về mối quan hệ giữa triết học gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước đang đặt ra trong quá trình xây dựng và đổi mới. Phương pháp giảng: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương pháp đánh giá học phần là kiểm tra tự luận và báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2, 7 (mức độ thấp), 1, 10, 11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

2. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học

kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học kiến thức cơ bản về vai trò, ý nghĩa của nghiên cứu khoa học trong thực hành nghề nghiệp, qui trình và các bước để tiến hành một nghiên cứu khoa học trong y học, các vấn đề về đạo đức nghiên cứu y sinh học trên đối tượng nghiên cứu là con người. Đồng thời, học phần này cũng rèn kỹ năng để học viên phát triển được đề cương nghiên cứu, học cách khai thác và sử dụng tài liệu tham khảo, cách viết các bài

báo khoa học, cũng như viết luận văn tốt nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu bao gồm: Thuyết trình ngắn, thảo luận nhóm, đọc và bình luận bài báo khoa học, làm bài tập nhóm và trình bày kết quả thảo luận. Các phương pháp lượng giá bao gồm: hoàn thành chỉ tiêu theo các tình huống cụ thể; phát triển và trình bày đề cương nghiên cứu. Học phần này đóng góp kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 4,5,7 (mức độ thấp); chuẩn đầu ra 1,2,3,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 8 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

3. Học phần Phương pháp dạy- học lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong giảng dạy lâm sàng khối ngành sức khỏe cho các cán bộ y tế trực tiếp tham gia khám chữa bệnh của các cơ sở giáo dục và cơ sở y tế có đủ năng lực dạy học lâm sàng trong vai trò của giáo viên giảng dạy thực hành. Các phương pháp dạy - học bao gồm thuyết trình, tự nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, bài tập nhóm, bài tập cá nhân, thảo diễn mẫu, bảng kiểm, đóng vai. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, , bài tập cá nhân/nhóm, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,2,3,4,5,6,7,8 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

4. Học phần Phương pháp sư phạm y học

Học phần Phương pháp sư phạm y học là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng sư phạm y học để người học có đủ năng lực tham gia công tác đào tạo tại các cơ sở y tế nơi người học công tác. Học phần cũng sẽ cung cấp kiến thức, kỹ năng giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm trong y học, giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động đào tạo cho cán bộ y tế - người sẽ tham gia hoạt động đào tạo nhằm bổ sung và nâng cao chất lượng chuyên môn cho các cán bộ y tế khác. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập nhóm, cầm tay chỉ việc/bảng kiểm đóng vai. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, bài tập cá nhân/nhóm, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,2,3,4,5,6,7,8 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

B. Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ

5. Học phần Tai mũi họng

Học phần Tai – Mũi – Họng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán, điều trị và dự phòng các bệnh Tai – Mũi – Họng ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học bên giường bệnh, nghiên cứu trường hợp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, giải quyết tình huống, thực hành kỹ năng trên bệnh nhân, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

6. Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Học phần Chẩn đoán hình ảnh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, hình ảnh các bệnh lý Nhi khoa. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đọc phim ca lâm sàng, phân tích tổn thương trên hình ảnh. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, trắc nghiệm, kiểm tra thực hành đọc phim, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

7. Học phần Quản lý bệnh viện

Học phần Quản lý bệnh viện là học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở học kỳ 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về quản lý bệnh viện cơ bản (quy trình quản lý bệnh viện của Việt Nam: dòng bệnh nhân, dòng quản lý, tổ chức hoạt động bệnh viện trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, làm quen với quản lý ở cấp khoa phòng hoặc bệnh viện quy mô nhỏ). Học phần cũng trang bị cho học viên các kỹ năng cơ bản về thực hiện quản lý có hiệu quả nhân lực, tài chính, vật tư và trang thiết bị, công tác được, kiểm soát nhiễm khuẩn, nguy cơ... ở bệnh viện tuyến huyện, tỉnh. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu văn bản, thực hành quan sát, thảo luận với các cán bộ quản lý của bệnh viện, nghiên cứu các báo cáo của khoa, phòng bệnh viện khi đi thực tế bệnh viện. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, tự luận, báo cáo chuyên đề chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 8 (mức độ Trung bình), CĐR 12 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

8. Học phần Truyền nhiễm

Học phần Truyền nhiễm là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học bên giường bệnh, nghiên cứu trường hợp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, giải quyết tình huống, thực hành kỹ năng trên bệnh nhân, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

9. Học phần Da liễu

Học phần/module Da liễu là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh da liễu ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học bên giường bệnh, nghiên cứu trường hợp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, giải quyết tình huống, thực hành kỹ năng trên bệnh nhân, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra

2,3,4,5,6,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

10. Học phần Sinh lý bệnh-Miễn dịch

Học phần Sinh lý bệnh – Miễn dịch là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức sinh lý bệnh miễn dịch. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, tự luận, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 2,3,5,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 4,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

11. Học phần Phôi thai học

Học phần Phôi thai học là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về phôi thai học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, tự luận, báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 6,8 (mức độ thấp), chuẩn đầu ra 2,3,5,7,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

C. Khối học phần chuyên ngành

12. Học phần Sơ sinh -Cấp cứu

Học phần Sơ sinh - cấp cứu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật sơ sinh - cấp cứu Nhi khoa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng băng kiểm. Phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có băng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

13. Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa

Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Dinh dưỡng-Tiêu hóa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng băng kiểm. Phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có băng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung

bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

14. Học phần Tim mạch-Hô hấp

Học phần Tim mạch-Hô hấp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Tim mạch-Hô hấp thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Nhi khoa.

15. Học phần Huyết học-Tiết niệu

Học phần Huyết học-Tiết niệu là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Huyết học-Tiết niệu thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

16. Học phần Tâm bệnh-Thần kinh

Học phần Tâm bệnh-Thần kinh là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Tâm bệnh-Thần kinh thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

17. Học phần Nội tiết- Chuyển hóa di truyền

Học phần Nội tiết-Chuyển hóa di truyền là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự

phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Nội tiết-Chuyển hóa di truyền thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

18. Học phần Ngoại Nhi

Học phần Ngoại Nhi là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, điều trị, theo dõi sau điều trị, tiên lượng các bệnh lý Ngoại nhi. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, giải quyết các tình huống lâm sàng, báo cáo chuyên đề, chỉ tiêu thực hành, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8,10,11 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

19. Học phần Thực tập tốt nghiệp

Học phần Tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 4 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng phân loại, chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật một số cấp cứu và các bệnh Nhi khoa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp đánh giá người học thông qua vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thi tay nghề (thủ thuật) có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 8 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

20. Đề án tốt nghiệp

Đề án Tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 4 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ giúp cho người học củng cố kiến thức, kỹ năng của tất cả các khối kiến thức nhằm đáp ứng tất cả các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, dạy học nhóm nhỏ, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp. Học viên sẽ được đánh giá thông qua hội đồng tốt nghiệp đánh giá luận văn thạc sĩ. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2-11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Bộ môn Nhi khoa là một bộ môn được thành lập từ ngày đầu thành lập trường, trong suốt hơn 50 năm qua, các thế hệ cán bộ giảng viên của bộ môn đã góp phần rất lớn trong đào tạo nhân lực cho ngành y tế các tỉnh trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đội ngũ giáo viên ngày càng trưởng thành, hiện nay bộ môn có 15 cán bộ giảng viên, trong đó có 1 giáo sư, 3 tiến sĩ, 1 bác sĩ CKII, 6 thạc sĩ và 3 cán bộ đang học nghiên cứu sinh, 3 cán bộ học bác sĩ nội trú. Hỗ trợ trong quá trình đào tạo cùng với bộ môn Nhi là các giảng viên của một số bộ môn tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ Nhi khoa.

Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như Trung tâm Nhi khoa- Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên và Bệnh viện Nhi Trung ương. Các bệnh viện thực hành có nhiều cán bộ có trình độ sau đại học thường xuyên tham gia vào quá trình đào tạo sau đại học của trường.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho người học thạc sĩ Nhi khoa. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Các bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên khá đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực...đáp ứng được yêu cầu đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

XIV. Ngày phê duyệt lần đầu: 2006

XV. Tiến trình cập nhật

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật
1	Viết lại Bản mô tả chương trình đào tạo theo mẫu ban hành kèm theo QĐ số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 và khung chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Nhi khoa ban hành năm 2022	12/2022

XVI. Thành phần phê duyệt

Tổ rà soát
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Tuấn Vũ

Hội đồng thẩm định
Khoa/Bộ môn
(Ký, ghi rõ họ tên)



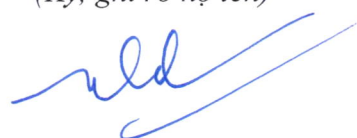
Nguyễn Thị Xuân Hương

Phòng Đào tạo
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Mạnh

Chủ tịch Hội đồng
KH&ĐT trường
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiến Dũng